

Giá Rai, ngày 11 tháng 11 năm 2020

THÔNG TIN THUỐC THÁNG 11/2020

(V/v cập nhật thông tin thuốc Melankit và thông tin điều trị Helicobacter Pylori)

Kính gửi: Các khoa, phòng điều trị Trung tâm Y tế Thị Xã Giá Rai.

Nhằm mục đích sử dụng thuốc an toàn và hợp lý trong điều trị, Đơn vị Thông tin thuốc – Dược lâm sàng xin trình bày thông tin thuốc Melankit có trong danh mục thuốc năm 2020 của Trung tâm y tế và thông tin điều trị vi khuẩn *Helicobacter Pylori* như sau:

PHẦN I. THÔNG TIN THUỐC MELANKIT

1. Tên thương mại: Melankit

2. Thành phần

- Viên nang cứng Lansoprazol.....30 mg
- Viên nén bao phim Tinidazol.....500mg
- Viên nén bao phim Clarithromycin.....500mg

3. Quy cách đóng gói

Mỗi hộp chứa 7 vỉ, mỗi vỉ chứa:

- 2 viên nang cứng Lansoprazol
- 2 viên nén bao phim Clarithromycin
- 2 viên nén bao phim Tinidazol

4. Tác dụng

- Lansoprazol là chất ức chế bơm proton nhằm hạn chế sự tiết acid ở dạ dày.
- Clarithromycin là kháng sinh macrolid, tác động mạnh trên các vi khuẩn gram (+), gram (-) và *Helicobacter pylori*.
- Tinidazol là một nitroimidazol có tác dụng tốt trên vi khuẩn kỵ khí gram (-) như *Bacterid, Clostridium, Helicobacter*.

5. Chỉ định: điều trị nhiễm *Helicobacter pylori* gây tình trạng loét dạ dày tá tràng, viêm dạ dày mạn tính.

6. Chống chỉ định

- Quá mẫn với thành phần của thuốc.

- Phụ nữ có thai hoặc cho con bú, trẻ nhỏ.

7. Liều dùng và cách dùng

- Uống mỗi lần 1 viên Lansoprazol + 1 viên Tinidazol + 1 viên Clarithromycin x 2 lần/ ngày dùng trong 10 – 14 ngày.
- Uống trước khi ăn sáng một giờ và sau khi ăn tối 2 giờ.

8. Thận trọng

- Thận trọng khi dùng cho người suy thận, suy gan, cần phải loại trừ ung thư dạ dày, tránh uống rượu khi dùng thuốc.
- Không cắn hoặc nhai vỡ viên thuốc khi dùng.
- Không uống để dự phòng tái phát loét dạ dày tá tràng.

9. Tác dụng không mong muốn

Chán ăn, buồn nôn, nôn, cảm giác khó chịu đường tiêu hoá, vị giác kim loại, tăng men gan thoáng qua, ngứa, mẩn đỏ, mề đay.

PHẦN II. CẬP NHẬT HƯỚNG DẪN ĐIỀU TRỊ HELICOBACTER PYLORI

1. Phác đồ đầu tay

Phác đồ	Thuốc (liều)	Số lần dùng/ngày	Số ngày điều trị
Phác đồ 3 thuốc (Clarithromycin)	PPI (liều*, xem thêm ghi chú bên dưới)	2 lần	14
	Clarithromycin (500 mg)	2 lần	
	Amoxicillin (1 gram) Hoặc Metronidazol (500 mg)	Amoxicillin: 2 lần. Metronidazol: 3 lần.	
Phác đồ 4 thuốc (Clarithromycin)	PPI (liều*, xem thêm ghi chú bên dưới)	2 lần	10 – 14
	Clarithromycin (500 mg)	2 lần	
	Amoxicillin (1 gram)	2 lần	
	Metronidazol hoặc tinidazol (500 mg)	2 lần	
Phác đồ nối tiếp (Clarithromycin)	PPI (liều*) phối hợp amoxicillin (1 gram) trong 5 ngày. Sau đó:	2 lần	10 (tổng cộng)
	PPI (liều*), clarithromycin (500 mg) phối	2 lần	

	hợp metronidazol hoặc tinidazol (500 mg) trong 5 ngày nối tiếp.		
Phác đồ hỗn hợp (Clarithromycin)	PPI (liều*) phối hợp amoxicillin (1 gram) trong 7 ngày. Sau đó:	2 lần	14 (tổng cộng)
	PPI (liều*), amoxicillin, clarithromycin (500 mg) phối hợp với metronidazol hoặc tinidazol (500 mg) trong 7 ngày nối tiếp.	2 lần	
Phác đồ 4 thuốc (Bismuth)	PPI (liều*, xem thêm ghi chú bên dưới)	2 lần	10 – 14
	Bismuth subcitrat (120 – 300 mg) hoặc 420 mg Hoặc Bismuth subsalicylat (300 hoặc 524 mg)	4 lần	
	Tetracyclin (500 mg)	4 lần	
	Metronidazol (250 – 500 mg)	250 mg: 4 lần	
500 mg: 3 – 4 lần			

PPI: thuốc ức chế bơm proton (lansoprazol, omeprazol, pantoprazol, rabeprazol, esomeprazol).

*Liều thuốc ức chế bơm proton như: Lansoprazol 30 mg/lần, omeprazol 20 mg/lần, pantoprazol 40 mg/lần, rabeprazol 20mg/lần hoặc esomeprazol 20 mg/lần.

2. Phác đồ cứu cánh

Phác đồ	Thuốc (liều)	Số lần dùng/ngày	Số ngày điều trị
Phác đồ 3 thuốc (Levofloxacin)	PPI (liều*, xem thêm ghi chú bên dưới)	2 lần	14
	Levofloxacin (500 mg)	1 lần	
	Amoxicillin (1 gram)	2 lần	
Phác đồ 4 thuốc (Clarithromycin)	PPI (liều*, xem thêm ghi chú bên dưới)	2 lần	10 – 14
	Clarithromycin (500 mg)	2 lần	
	Amoxicillin (1 gram)	2 lần	
	Metronidazol hoặc tinidazol (500 mg)	2 – 3 lần	
Phác đồ 4 thuốc	PPI (liều*, xem thêm ghi chú bên dưới)	2 lần	14

(Bismuth)	Bismuth subcitrat (120 – 300 mg) hoặc 420 mg Hoặc Bismuth subsalicylat (300 hoặc 524 mg)	4 lần	
	Tetracyclin (500 mg)	4 lần	
	Metronidazol (250 – 500 mg)	3 – 4 lần	

PPI: thuốc ức chế bơm proton (lansoprazol, omeprazol, pantoprazol, rabeprazol, esomeprazol).

*Liều thuốc ức chế bơm proton như: Lansoprazol 30 mg/lần, omeprazol 20 mg/lần, pantoprazol 40 mg/lần, rabeprazol 20mg/lần hoặc esomeprazol 20 mg/lần.

Tài liệu tham khảo

1. Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc Melankit.
2. Gilbert, D. N., Chambers, H. F., Saag, M. S., & Pavia, A. T. (2020). *The Sanford guide to antimicrobial therapy 2020*. Sperryville, VA, USA: Antimicrobial Therapy, Inc.
3. <https://www.uptodate.com/contents/treatment-regimens-for-helicobacter-pylori/>
(truy cập lần cuối ngày 09 tháng 11 năm 2020)

CHỦ TỊCH HĐQT & ĐT

KHOA DƯỢC

ĐV THÔNG TIN THUỐC